

Bài tập Toán lớp 3: Bảng nhân 7

Bản quyền thuộc về VnDoc.

Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép nhằm mục đích thương mại.

A. Lý thuyết cần nhớ về bảng nhân 7

$7 \times 1 = 7$	$7 \times 2 = 14$	$7 \times 3 = 21$	$7 \times 4 = 28$	$7 \times 5 = 35$
$7 \times 6 = 42$	$7 \times 7 = 49$	$7 \times 8 = 56$	$7 \times 9 = 63$	$7 \times 10 = 70$

B. Bài tập vận dụng về bảng nhân 7

I. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Kết quả của phép tính 7×8 là:

- A. 42 B. 56 C. 63 D. 35

Câu 2: Số thích hợp để điền vào chỗ chấm: $7 \times \dots = 28$ là:

- A. 4 B. 1 C. 3 D. 2

Câu 3: Lan có 5 hộp bánh, mỗi hộp bánh gồm 7 gói bánh. Số gói bánh mà Lan có là:

- A. 28 gói bánh B. 63 gói bánh C. 42 gói bánh D. 35 gói bánh

Câu 4: Kết quả của phép tính $7 \times 3 + 19$ là:

- A. 20 B. 30 C. 40 D. 50

Câu 5: Giá trị X thỏa mãn $X \times 2 = 7 \times 8$ là:

- A. 32 B. 28 C. 14 D. 7

II. Bài tập tự luận

Bài 1: Tính nhẩm

7×8	5×7	7×6	2×7
7×10	7×9	3×7	4×7

Bài 2: Tính:

$7 \times 3 + 6$

$7 \times 8 - 20$

$7 \times 9 + 38$

$7 \times 7 + 24$

$7 \times 3 + 7 \times 4$

$7 \times 6 : 2$

Bài 3: Lớp 3A được chia thành 6 hàng, mỗi hàng có 7 học sinh. Hỏi lớp 3A có bao nhiêu học sinh?

Bài 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a, 14, 21, 28, ..., ..

b, 56, 49, 42, ..., ...

c, 7, 21, 35, ..., ..

C. Lời giải bài tập về bảng nhân 7**I. Bài tập trắc nghiệm**

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5
B	A	D	C	B

II. Bài tập tự luận**Bài 1:**

$7 \times 8 = 56$

$5 \times 7 = 35$

$7 \times 6 = 42$

$2 \times 7 = 14$

$7 \times 10 = 70$

$7 \times 9 = 63$

$3 \times 7 = 21$

$4 \times 7 = 28$

Bài 2:

$7 \times 3 + 6 = 27$

$7 \times 8 - 20 = 36$

$7 \times 9 + 38 = 101$

$7 \times 7 + 24 = 73$

$7 \times 3 + 7 \times 4 = 49$

$7 \times 6 : 2 = 21$

Bài 3:

Lớp 3A có số học sinh là:

$7 \times 6 = 42$ (học sinh)

Đáp số: 42 học sinh

Bài 4:

a, 14, 21, 28, 35, 42

b, 56, 49, 42, 49, 56

c, 7, 21, 35, 49, 63

Tải thêm tài liệu tại:

<https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap2-lop-3>

vndoc